

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HS-PT
Ngày: 30-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trinh.**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Lâm Đồng.**

Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Uyên Vũ.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Sương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30-7-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 108/2018/TLPT-HS ngày 6-7-2018, đối với các bị cáo Nguyễn Văn D và Ngô Thị Bé C, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Các bị cáo có kháng cáo :

1. Nguyễn Văn D sinh năm 1969, tại huyện T, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp Trường B, xã Trường Q, huyện T, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn R (chết) và bà: Lê Thị Y; có vợ: Ngô Thị Bé C và 03 con: Lớn nhất sinh năm 1990 - nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam: 20-12-2017. Có mặt.

2. Ngô Thị Bé C sinh năm 1971, tại huyện T, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp Trường B, xã Trường Q, huyện T, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn U (chết) và bà: Trần Thị Oanh I (chết); có chồng: Nguyễn Văn D và 03 con: Lớn nhất sinh năm 1990 - nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Luật sư Nguyễn Thị Thanh Tân bào chữa cho bị cáo C.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 20-12-2017, Công an huyện T, thành phố Cần Thơ đã bắt quả tang Nguyễn Văn D và Ngô Thị Bé C đang tổ chức ghi bán số đề tại nhà, thuộc ấp Trường B, xã Trường Q, huyện T, thành phố Cần Thơ. Thu giữ 2 phôi đề, 01 điện thoại di động, 01 cây viết bi và 850.000đ.

Kết quả điều tra đã xác định được như sau:

D và C, là vợ chồng, đã bắt đầu ghi bán số đề từ khoảng 7 tháng. D nhận tin nhắn mua số qua điện thoại di động, sim số 01222829601. C đi bán vé số, kết hợp với bán số đề, rồi mang phôi về, giao cho D tổng hợp. Sau khi tổng kết, D sẽ giao phôi cho một người tên P, để hưởng huê hồng 10% trên tổng số tiền mua 2 số đầu hoặc đuôi, 50% trên tổng số tiền mua bao lô. Mỗi ngày D và C ghi bán với số tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ, hưởng huê hồng khoảng 250.000đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 52.500.000đ.

Kết quả cộng các phôi đề trong ngày 20-12-2017 cho thấy số tiền đã ghi bán là 12.971.000đ. Có 13 người mua số đề, là: Nguyễn Văn A, Nguyễn Công S, Nguyễn Văn F, Nguyễn Hữu G, Lê Thị H, Lê Thị J, Nguyễn Trung K, Phạm Thị L, Lý Thị X, Lê Thị V, Phạm Thị N, Nguyễn Hồng M và Lê Thị O.

Ngày 25-1-2018 C nộp 12.971.000đ tại Cơ quan Điều tra.

Tại bản án số 12/2018/HS-ST ngày 29-5-2018, Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt: - Nguyễn Văn D 3 năm tù.

- Ngô Thị Bé C 3 năm tù.

Ngoài ra, còn có các quyết định: về xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp và án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm: Ngày 31-5-2018, bị cáo C kháng cáo, xin được hưởng án treo. Ngày 5-6-2018, bị cáo D kháng cáo, xin giảm mức hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các bị cáo không có cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Luật sư, bào chữa cho bị cáo C, đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ, các tình tiết về nhân thân, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, để chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên nhận định: Về tội danh, bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tuy nhiên, đối với số tiền thu lợi bất chính, chưa có đủ chứng cứ để kết luận, nên đề nghị sửa án sơ thẩm: Xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, đồng thời giảm mức hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo C được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Các bị cáo đã bị bắt quả tang khi phạm tội. Các bị cáo nhìn nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ khác tại hồ sơ vụ án.

Số người mua số đề là 13. Số tiền dùng để đánh bạc là 12.971.000đ. Bị cáo D sử dụng điện thoại di động để ghi bán số đề và chuyển phôi. Các bị cáo đã hưởng huê hồng tổng cộng là 52.500.000đ từ hành vi ghi bán số đề, rồi chuyển phôi cho người khác. Quá trình phân tích và cộng các phôi đề, quá trình lấy lời khai và hỏi cung đối với các bị cáo hoàn toàn khách quan và đúng pháp luật. Xét xử các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Hiện nay tội phạm này còn xảy ra nhiều, bất chấp những nỗ lực hết sức tích cực từ phía Nhà nước và cộng đồng, xâm phạm trật tự công cộng, gây thiệt hại rất lớn về kinh tế xã hội. Một bộ phận người dân không lo tập trung lao động, sản xuất, kinh doanh hợp pháp, mà chỉ lao vào các canh bạc, trông vào sự may rủi. Kết quả là kinh tế gia đình kiệt huệ, mất hạnh phúc gia đình và còn tạo ra nguy cơ phạm pháp và phạm tội. Nên cần xử phạt cho nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo D không nặng, nên giữ nguyên.

Tuy nhiên, xét vai trò, tính chất và mức độ phạm tội cũng như hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, nên cho bị cáo C được hưởng án treo, như kết luận của Kiểm sát viên.

Không có căn cứ để chấp nhận đề nghị xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm (có bổ sung điều luật áp dụng).

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị Bé C. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Ngô Thị Bé C phạm tội Tổ chức đánh bạc.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46;

các Điều 20 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Văn D 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20-12-2017.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 53 và 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt Ngô Thị Bé C 3 (ba) năm tù. Cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 5 năm, được tính từ ngày 30-7-2018.

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã Trường Q, huyện T, thành phố Cần Thơ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú, phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân xã Trường Q, theo quy định tại Điều 64 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp 2 lần vi phạm pháp luật trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã tuyên, theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Luật Thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo D phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng h. T;
- Các bị cáo;
- Lưu.

Nguyễn Văn Trinh